

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-02-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hứa Phận.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh ngày 01/01/1990; Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin vắng).

- Bị đơn: Bà Lý Thị H, sinh ngày 01/01/1992; Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Ông và bà Lý Thị H tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2012 ngày 19/3/2012. Quá trình chung sống hạnh phúc và có 03 người con chung tên Lê Hoàng D, sinh ngày 24/11/2012; Lê Thị Ngọc Yến N, sinh ngày 17/11/2014 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 16/10/2016. Từ cuối năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và ngày càng nghiêm trọng, vợ không tôn trọng chồng nên ông chuyển ra sống ly thân đến nay.

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông yêu cầu giao 03 người con chung là Lê Hoàng D, sinh ngày 24/11/2012; Lê Thị Ngọc Yến N, sinh ngày 17/11/2014 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 16/10/2016 cho bà H nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Lý Thị H vắng mặt và tại biên bản ghi lời khai ngày 03/02/2025, bà H trình bày ý kiến: Bà không muốn ly hôn nhưng ông L đã yêu cầu thì bà đồng ý ly hôn. Về con chung bà yêu cầu nuôi dưỡng 03 con chung và yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Do công việc hiện tại của bà làm công nhân xưởng sản xuất giấy, loại xưởng tư nhân, lương bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng và phải chi tiêu sinh hoạt cá nhân, chi phí thuê trọ nên điều kiện nuôi dưỡng các con ngày càng lớn sẽ gặp khó khăn nên bà yêu cầu ông L cùng có nghĩa vụ đối với các con. Về tài sản chung và nợ chung thì không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy: Bà H đồng ý ly hôn và nuôi 03 người con chung với ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L, công nhận thuận tình ly hôn cho ông L và bà H. Đối với 03 con chung, ông L yêu cầu giao cho bà H nuôi dưỡng và các con có nguyện vọng sống với mẹ, bà H đồng ý nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho bà H nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng theo yêu cầu của bà H tại biên bản ghi lời khai ngày 03/02/2025 yêu cầu cấp dưỡng mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nên cần buộc ông L cấp dưỡng cho con bằng số tiền bà H yêu cầu là phù hợp mức thu nhập của ông L. Về án phí đề nghị xem xét nghĩa vụ chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Các vấn đề khác không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1

Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông L và bà H tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, ông L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và đến nay không có yêu cầu rút đơn khởi kiện. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa ông L với bà H không sống chung với nhau, bà H đồng ý ly hôn và việc đồng ý ly hôn của bà H là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông L và bà H.

[3] Về con chung: Ông L yêu cầu giao 03 người con chung là Lê Hoàng D, sinh ngày 24/11/2012; Lê Thị Ngọc Yến N, sinh ngày 17/11/2014 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 16/10/2016 cho bà H nuôi dưỡng. Tại lời khai ngày 03/02/2025 (bút lục 60-61), bà H đồng ý nuôi 03 người con chung và các con chung là Hoàng D, Yến N và Bảo Y đều có nguyện vọng được sống với mẹ, bà ngoại (bút lục 50-52) nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 người con chung nêu trên cho bà H nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng, ông L không đồng ý cấp dưỡng. Xét thấy bà H là công nhân có mức thu nhập thấp và việc yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con là để đảm bảo chi phí cho việc nuôi dưỡng và học tập của con chung. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, do ông L không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 người con chung với bà H. Đối với mức cấp dưỡng bà H yêu cầu là thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú nhưng số tiền yêu cầu này phù hợp mức thu nhập của ông L nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 người con là Lê Hoàng D, Lê Thị Ngọc Yến N và Lê Thị Bảo Y.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, như vậy ông L và bà H mỗi người phải chịu 25% mức án phí quy định là 75.000 đồng. Ông Lê Văn L còn phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn L và bà Lý Thị H.

2. Về con chung: Giao 03 người con chung là Lê Hoàng D, sinh ngày 24/11/2012; Lê Thị Ngọc Yên N (Lê Thị Ngọc Yên N1), sinh ngày 17/11/2014 và Lê Thị Bảo Y, sinh ngày 16/10/2016 cho bà Lý Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 03 người con chung với bà Lý Thị H mỗi người là 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 06/02/2025 đến khi cháu Hoàng D, Y và Bảo Y đủ 18 tuổi. Ông Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án

3. Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Ông Lê Văn L phải chịu án phí ly hôn là 75.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, bà Lý Thị H phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004091 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, ông Lê Văn L còn phải nộp là 75.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã A,
huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai